

Số: 14 /QĐ-LQĐ

Bình Sơn, ngày 21 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 4 năm 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 4467/QĐ-SGDĐT ngày 25/12/2024 của Giám đốc Sở GD và ĐT Quảng Ngãi về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ thuyết minh dự toán thu, chi NSNN năm 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thi - chi ngân sách quý 4 năm 2025

Xét đề nghị của kế toán trường THPT Lê Quý Đôn về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 4 năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 4 năm 2025 của trường THPT Lê Quý Đôn theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai:

- Thời gian công khai: 30 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực;
- Hình thức công khai: đăng tải trên Website đơn vị, niêm yết bản tin phòng hội đồng trường THPT Lê Quý Đôn.
- Địa điểm công khai: Trường THPT Lê Quý Đôn;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ trưởng tổ hành chính, kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD và ĐT (b/cáo)
- HT, P.HT
- Thông báo ở bản tin phòng HĐ;
- Website trường
- Lưu :VT, KT



Lê Chấn Thi

TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
Quý 4 năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sửa dụng ngân sách nhà nước)

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-LQĐ ngày 21/01/2026 của Hiệu trưởng trường THPT Lê Quý Đôn)

ĐV tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	1.303.000.000	957.121.000	51	
1	Học phí	1.303.000.000	663.520.000	51	
2	Căn tin		293.601.000		
3	Lệ phí				
4	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.303.000.000	265.388.710	20	
1	Chi sự nghiệp	1.303.000.000	265.388.710	20	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.303.000.000	265.388.710	20	
	Tiền lương, phụ cấp lương	521.200.000	11.534.910	2	
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	65.820.800	11.580.000	18	
	Phúc lợi tập thể	10.000.000		-	
	Vật tư văn phòng	63.000.000	3.400.000	5	
	Khen thưởng	10.000.000	6.600.000	66	
	Dịch vụ công cộng	-			
	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	2.100.000	2.019.000		
	Công tác phí	50.000.000		-	
	Chi phí thuê mướn	150.000.000	31.860.000	21	
	Sửa chữa thường xuyên	160.000.000	170.388.200	106	
	Nghệp vụ chuyên môn	120.000.000	22.011.600	18	
	Chi khác	50.879.200		-	
	Mua sắm TSCĐ hữu hình	30.000.000		-	
	Mua sắm TSCĐ vô hình	20.000.000	5.995.000	30	
	Chi công tác Đảng	50.000.000		-	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0			



STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	23.299.065.000	7.477.389.204	32	
I	Nguồn ngân sách trong nước	23.299.065.000	7.477.389.204	32	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	23.299.065.000	7.477.389.204	32	-
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	20.238.200.000	5.665.531.154	28	
6000	Tiền lương	10.167.055.469	2.554.311.718	25	
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	200.000.000	34.392.600	17	
6100	Phụ cấp lương	4.922.356.749	1.391.614.387	28	
6200	Khen thưởng	90.000.000		-	
6250	Phúc lợi tập thể	38.400.000	6.836.300	18	
6300	Các khoản đóng góp	2.788.586.782	672.273.028	24	
6400	Các khoản thanh toán cho cá nhân	81.081.000	410.941.420	507	
6500	Dịch vụ công cộng	156.000.000	42.035.709	27	
6550	Vật tư văn phòng	150.000.000	95.390.000	64	
6600	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	22.800.000	5.213.800	23	
6700	Công tác phí	170.000.000	37.216.000	22	
6750	Chi phí thuê mướn	110.000.000	44.500.000	40	
6900	Sửa chữa thường xuyên	250.000.000	160.333.792	64	
7000	Nhiệm vụ chuyên môn	933.085.000	125.882.400	13	
6950	Mua sắm TSCĐ hữu hình	46.000.000	25.000.000	54	
7750	Chi khác	70.715.000	49.060.000	69	
7850	Chi công tác Đảng	42.120.000	10.530.000	25	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.060.865.000	1.811.858.050	59	
1	Miễn giảm học phí và HTCPTH theo NĐ 81/2021 (12)	78.000.000	39.080.000	50	
2	Chế độ học sinh theo Nghị định 66/2025 (12)	52.000.000	-		
3	Chế độ học sinh khuyết tật theo TTLT 42/2013 (12)	20.000.000	7.488.000	37	
4	Phụ cấp dạy học sinh khuyết tật theo NĐ 28/2012 (12)	230.000.000	128.650.153	56	
5	KP tiền thưởng (18)	1.017.000.000	995.999.897	98	
6	Cấp bù HP, hỗ trợ chi phí học tập (KP sau 30/9)	640.865.000	640.640.000	100	
7	Kinh phí cải tạo, nâng cấp sửa chữa CSVN (KP sau 30/9)	1.023.000.000	-		